

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh đại học chính quy đợt 2 năm 2024**

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 08 tháng 04 năm 2022 của Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy chế thi tuyển sinh;

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường ĐHSP Hà Nội 2;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 04 tháng 03 năm 2024 của Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 251/KH-ĐHSPHN2 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Trường ĐHSP Hà Nội 2 về việc triển khai công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2024 (sửa đổi);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy ngày 06 tháng 9 năm 2024;

Trường ĐHSP Hà Nội 2 thông báo tuyển sinh đại học chính quy đợt 2 năm 2024 như sau:

**I. Tổ chức tuyển sinh**

**1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh**

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam.
- Người có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương ở Việt Nam.

**2. Phạm vi tuyển sinh**

Tuyển sinh trong cả nước và thí sinh là người nước ngoài.

**3. Kế hoạch xét tuyển**

TT	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện
1	Thí sinh đăng ký tại trang: <a href="http://thisinh.hpu2.edu.vn">http://thisinh.hpu2.edu.vn</a> Thí sinh cần điền đầy đủ các thông tin trên hệ thống tuyển sinh của Nhà trường và gửi hồ sơ xét tuyển đến Trường ĐHSP Hà Nội 2	Từ ngày 09/9/2024 đến hết ngày 21/9/2024

<b>TT</b>	<b>Nội dung triển khai</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
2	Thí sinh điều chỉnh thông tin, nguyện vọng đăng ký xét tuyển trực tuyến trên hệ thống tuyển sinh của Nhà trường	Từ 9h00 ngày 22/9/2024 đến hết ngày 23/9/2024
3	Thí sinh đăng ký quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ sang điểm môn thi Tiếng Anh trên hệ thống tuyển sinh của Nhà trường tại trang: <a href="http://thisinh.hpu2.edu.vn">http://thisinh.hpu2.edu.vn</a>	Từ ngày 09/9/2024 đến hết ngày 21/9/2024
4	Tổ chức xét tuyển và công bố kết quả trúng tuyển trên website tuyển sinh của Trường	Trước 17h00 ngày 27/9/2024
5	Thí sinh xác nhận nhập học và nhập học	Từ ngày 30/9/2024 đến hết ngày 04/10/2024

#### **4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:**

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển (in ra sau khi đăng ký trực tuyến thành công trên hệ thống tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội 2).

- Bản phô tô Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

- Bản phô tô Bằng hoặc GCN tốt nghiệp (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024).

- Bản phô tô Căn cước công dân/Căn cước.

- Bản phô tô Học bạ THPT (đầy đủ cả 3 năm học; áp dụng với các phương thức xét tuyển học bạ PT200 và PT406).

- Bản phô tô các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).

- Biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền.

Lệ phí: 20.000 đ/01 nguyện vọng. Thí sinh thực hiện chuyển khoản lệ phí theo thông tin sau:

- Tên chủ tài khoản: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Số tài khoản: 4260276664, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

- Nội dung nộp lệ phí bắt buộc ghi như sau:

[Họ tên thí sinh] - [Số căn cước công dân của thí sinh] - [LPXTDOT22024]

Ví dụ: Nguyen Thi Anh - 120000001231 – LPXTDOT22024

Cách nộp hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét tuyển (bản cứng) sau khi đăng ký trực tuyến thành công gửi chuyển phát nhanh về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 theo địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường ĐHSP Hà Nội 2, số 32, đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo.

#### **II. Phương thức tuyển sinh**

- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (PT100).

- Sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (PT200).

- Kết hợp thi tuyển và xét tuyển (Áp dụng với ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao) sử dụng các phương thức:

+ Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 kết hợp với điểm thi năng khiếu (PT405);

+ Sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) kết hợp với điểm thi năng khiếu (PT406).

## 1. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (PT100)

### 1.1. Quy định chung

- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.  
- Thí sinh được miễn thi bài thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh) trong kỳ thi thi tốt nghiệp THPT theo điểm b, khoản 1, Điều 35 của Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 04/5/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 02/2024/TT-BGDĐT ngày 06/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, điểm môn thi Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển được tính theo bảng quy đổi sau đây:

Bảng quy điểm chứng chỉ ngoại sang thang điểm 10

TT	Tiếng Anh						Điểm quy đổi (thang điểm 10)
	IELTS	TOEFL iBT	APTIS ESOL		Pearson English International Certificate (PEIC)	Cambridge Assessment English	
			General	Advanced			
1	5.5	65-78	B1	B1	Level 2	- B1 Preliminary - B1 Business Preliminary - Linguaskill: thang điểm 140-159	9.50
2	6.0	79-87	B2	B2	Level 3	- B2 First - B2 Business Vantage - Linguaskill: thang điểm 160-179	9.75
3	6.5	88-95	C	C1	Level 4	- C1 Advanced - C1 Business Higher - Linguaskill: thang điểm 180+	10
4	7.0	96-101		C2	Level 5	C2 Proficiency	10
5	7.5	102-109			Level 6		10
6	8.0-9.0	110-120					10

### 1.2. Cách tính điểm và điểm ưu tiên xét tuyển

$\text{ĐXT} = \text{Điểm Môn 1} + \text{Điểm Môn 2} + \text{Điểm Môn 3} + \text{ĐU'T}$ .

- ĐU'T = ĐU'T theo đối tượng chính sách + ĐU'T theo khu vực

- ĐU'T đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$\text{ĐU'T} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.}$

- Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐU'T: Điểm ưu tiên.

\* Lưu ý: thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2022 trở về trước không được hưởng chính sách ưu tiên khu vực (quy định tại mục d, khoản 1, Điều 7 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non).

### *1.3. Nguyên tắc xét tuyển*

Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân (đã được làm tròn) để xét tuyển. Nếu nhiều hồ sơ có điểm xét tuyển bằng nhau thì sử dụng tiêu chí phụ xét theo thứ tự nguyện vọng từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

## **2. Kết hợp thi tuyển và xét tuyển (Áp dụng đối với ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao)**

### *2.1. Thi tuyển*

#### *2.1.1. Quy định chung*

- Thí sinh xét tuyển các ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao phải dự thi năng khiếu tại Trường ĐHSP Hà Nội 2 (Nhà trường không công nhận kết quả thi năng khiếu của các cơ sở đào tạo khác).

- Môn năng khiếu ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao:

+ Năng khiếu 4 (mã môn: NK4) thi hai nội dung: Bật xa tại chỗ + Chạy cự ly 100m.

+ Năng khiếu 5 (mã môn: NK5) thi một nội dung: Bật xa tại chỗ.

+ Năng khiếu 6 (mã môn: NK6) thi một nội dung: Chạy cự ly 100m.

Điểm môn NK4 = (Điểm môn NK5 + Điểm môn NK6)/2.

#### *2.1.2. Nội dung, yêu cầu thi năng khiếu ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao*

##### *a) Bật xa tại chỗ*

- Kỹ thuật: Hai chân đứng trên ván giậm nhảy và bật nhảy bằng 2 chân.

- Mỗi thí sinh được bật 2 lần. Mỗi lần bật đều đo thành tích và công nhận thành tích cao nhất.

- Nếu trong 2 lần bật có 1 lần phạm quy thì tính thành tích ở lần không phạm quy.

- Thí sinh bị phạm quy nếu vi phạm những lỗi sau:

+ Khi tạo đà 2 chân rời ván giậm nhảy.

+ Khi giậm nhảy 2 chân rời ván không đồng thời.

+ Khi giậm nhảy bàn chân vượt quá mép trên của ván giậm nhảy.

+ Khi tiếp cát do mất thăng bằng, cơ thể ngã về phía sau và vượt quá giới hạn ván giậm nhảy.

- Đo thành tích: Thành tích được đo từ mép trên của ván giậm nhảy (gần với hố cát) đến điểm tiếp xúc cát của bất kỳ bộ phận nào trên cơ thể và gần với ván giậm nhảy nhất (Ví dụ: Khi hai chân chạm cát nhưng do mất đà nên phải dùng tay chống xuống hố cát thì trọng tài sẽ xem xét giữa điểm rơi của hai chân và bộ phận nào rơi gần với ván giậm nhảy hơn thì đo bộ phận đó).

##### *b) Chạy cự ly 100m*

- Thực hiện kỹ thuật xuất phát (không có bàn đạp).

- Trong một đợt chạy nếu có bất kỳ thí sinh nào phạm quy thì trọng tài vẫn tiếp tục cho chạy và chỉ bắt lỗi thí sinh phạm quy trong đợt chạy này.

- Thí sinh bị phạm quy nếu vi phạm những lỗi sau:
- + Phạm lỗi xuất phát (xuất phát trước hiệu lệnh).
- + Trong quá trình chạy thí sinh chạy ra ngoài đường chạy.
- + Có hành vi cản trở ảnh hưởng đến các thí sinh khác.

## 2.2. Xét tuyển

Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng một hoặc các hình thức sau:

- Kết hợp sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và điểm thi môn năng khiếu: ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao: môn Năng khiếu (NK4) hoặc (Năng khiếu 5 (NK5) và Năng khiếu (NK6));

- Kết hợp sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT và điểm thi môn Năng khiếu: ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao: môn Năng khiếu (NK4) hoặc (Năng khiếu 5 (NK5) và Năng khiếu (NK6));

**3. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.**

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Điểm nhận hồ sơ	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4
1	Đại học	7140206	Giáo dục Thể chất	PT405	12	20.00	Ngữ văn, Năng khiếu 5, Năng khiếu 6 (T01)	Toán, Năng khiếu 5, Năng khiếu 6 (T02)	Toán, Sinh học, Năng khiếu 4 (T00)	Ngữ văn, GDCD, Năng khiếu 4 (T05)
2	Đại học	7140210	Sư phạm Tin học	PT100	4	24,85	Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	Ngữ văn, Toán, Vật lí (C01)
3	Đại học	7140211	Sư phạm Vật lý	PT100	5	26.81	Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	Ngữ văn, Toán, Vật lí (C01)	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh (D11)
4	Đại học	7140212	Sư phạm Hóa học	PT100	7	26.54	Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán, Hóa học, Địa lí (A06)
5	Đại học	7140213	Sư phạm Sinh học	PT100	6	26.33	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (B08)	Toán, Vật lí, Sinh học (A02)	Toán, Sinh học, Ngữ văn (B03)
6	Đại học	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	PT100	18	25.57	Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn (A16)	Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	Toán, Vật lí, Sinh học (A02)	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Điểm nhận hồ sơ	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4
7	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	PT100	11	25,94	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh (D11)	Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh (D12)
8	Đại học	7310403	Tâm lý học giáo dục	PT100	9	26,68	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19)	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)
9	Đại học	7310630	Việt Nam học	PT100	11	25,07	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	Ngữ văn, Toán, GDCD (C14)	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (D15)
10	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	PT100	6	15,35	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (B08)	Toán, Vật lí, Sinh học (A02)	Toán, Sinh học, Ngữ văn (B03)
11	Đại học	7440122	Khoa học vật liệu	PT100	12	18,85	Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	Ngữ văn, Toán, Vật lí (C01)	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh (D11)
				PT200	6	19,70				
12	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	PT100	8	21,60	Toán, Vật lí, Hóa học (A00)	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	Ngữ văn, Toán, Vật lí (C01)

<b>TT</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã phương thức xét tuyển</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Điểm nhận hồ sơ</b>	<b>Tổ hợp môn xét tuyển 1</b>	<b>Tổ hợp môn xét tuyển 2</b>	<b>Tổ hợp môn xét tuyển 3</b>	<b>Tổ hợp môn xét tuyển 4</b>
13	Đại học	7810301	Quản lý thể dục thể thao	PT405	25	18	Ngữ văn, Năng khiếu 5, Năng khiếu 6 (T01)	Toán, Năng khiếu 5, Năng khiếu 6 (T02)	Toán, Sinh học, Năng khiếu 4 (T00)	Ngữ văn, GDCD, Năng khiếu 4 (T05)
				PT406	24	21,10				



#### **4. Ngưỡng đầu vào**

##### **4.1. Điều kiện chung**

- Thí sinh đã tốt nghiệp cấp THPT.
- Đối với nhóm ngành sư phạm (đào tạo giáo viên):
  - + Tuyển những thí sinh có hạnh kiểm lớp 10, 11, 12 đạt từ loại khá trở lên.
  - + Không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.
  - + Ngành Giáo dục Thể chất chỉ tuyển thí sinh thể hình cân đối: Nam cao 1,60m nặng 45kg trở lên, nữ cao 1,50m nặng 40kg trở lên.

##### **4.2. Điều kiện cụ thể cho các phương thức xét tuyển**

###### **4.2.1. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT**

- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT để đăng ký xét tuyển đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên không yêu cầu về học lực giỏi.
- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đối với các ngành thuộc nhóm đào tạo giáo viên.
- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường ĐHSP Hà Nội 2 quy định đối với các ngành ngoài sư phạm.
- Thí sinh không bị điểm liệt trong kỳ thi tốt nghiệp THPT. Cụ thể:
  - + Điểm liệt của mỗi bài thi độc lập (theo thang 10 điểm): Từ 1,0 điểm trở xuống.
  - + Điểm liệt của mỗi môn thi thành phần (theo thang 10 điểm) của các bài thi tổ hợp: Từ 1,0 điểm trở xuống.
- Đối với các ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao:
  - + Đối với tổ hợp môn đăng ký xét tuyển có 2 môn văn hóa thì tổng điểm các môn văn hóa + [(ĐU'T theo khu vực + ĐU'T theo đối tượng chính sách) x 2/3] (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)  $\geq$  2/3 số điểm theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường ĐHSP Hà Nội 2.
  - + Đối với tổ hợp môn đăng ký xét tuyển có 1 môn văn hóa thì điểm môn văn hóa + [(ĐU'T theo khu vực + ĐU'T theo đối tượng chính sách) x 1/3] (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)  $\geq$  1/3 số điểm theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

\* Lưu ý: thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2022 trở về trước không được hưởng chính sách ưu tiên khu vực (quy định tại mục d, khoản 1, Điều 7 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non).

###### **4.2.2. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT**

- Thí sinh sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT (*Ghi trong học bạ*) để đăng ký xét tuyển đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên (*trừ ngành Giáo dục thể chất*) phải có:
  - + Điểm trung bình cộng các môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển tối thiểu là 8,0;
  - + Học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.
- Thí sinh sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT (*Ghi trong học bạ*) để đăng ký xét tuyển đối với ngành Giáo dục thể chất thí sinh phải có:
  - + Điểm trung bình cộng các môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển tối thiểu là 6,5;

+ Học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế có điểm thi năng khiếu do cơ sở đào tạo tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) khi đăng ký xét tuyển vào các ngành Giáo dục Thể chất không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

- Điểm liệt của môn Năng khiếu (theo thang điểm 10): Từ 1,0 điểm trở xuống.

- Thí sinh chỉ được phép đăng ký 01 tổ hợp môn xét tuyển/ngành, không giới hạn số nguyện vọng ngành đăng ký xét tuyển (Nhà trường xét tuyển theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

**5. Thông tin hỗ trợ giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2024**

TT	Kênh tư vấn tuyển sinh	Điện thoại/Link	Ghi chú
1	Ban Tư vấn tuyển sinh	0812012626 0813005757	tuyensinh@hpu2.edu.vn
2	Hotline tư vấn tuyển sinh theo ngành	<a href="https://t.ly/37zmr">https://t.ly/37zmr</a>	
3	Nhóm Zalo tư vấn tuyển sinh theo ngành	<a href="https://t.ly/3ZGvk">https://t.ly/3ZGvk</a>	

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị trong trường;
- Trung tâm Tin học (để đăng website);
- Trung tâm TT&SXHL;
- Lưu: TC-HC; ĐT [5].

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
(Đã ký)**

**Trịnh Đình Vinh**